ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 3895/QĐ-UBND	*Bình Định, ngày 21 tháng 10 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại xã Tây Giang, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Cát Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 1648/STNMT-CCBVMT ngày 26/5/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại xã Tây Giang, huyện Tây Sơn của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Cát Thành;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại xã Tây Giang, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 30/CV-CT ngày 13/10/2023 của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Cát Thành;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1260/TTr-STNMT ngày 19/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (Sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Cát Thành (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Tây Giang, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND huyện Tây Sơn;
- UBND xã Tây Giang;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tự Công Hoàng

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN KHAI THÁC ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP TẠI XÃ TÂY GIANG, HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH CỦA CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG CÁT THÀNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp.

- Địa điểm thực hiện: xã Tây Giang, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Cát Thành.

- Địa chỉ liên hệ: thôn Hóa Lạc, xã Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- Điện thoại: 0981289579 (Ông Nguyễn Gia Hoàng, Giám đốc Công ty).

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Diện tích dự án: 7,16 ha.

-Thời hạn khai thác: 05 năm.

- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).

- Trữ lượng, công suất được phép khai thác: Trữ lượng được phép khai thác theo Quyết định số 4575/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Bình Định là 526.141 m^3. Theo đó, sau khi khấu trừ trữ lượng đất để trồng cây, cải tạo phục hồi môi trường, bờ dừng đảm bảo an toàn và thực hiện cos kết thúc khai thác đảm bảo không tạo hố sâu cục bộ so với mặt bằng xung quanh thì trữ lượng huy động vào khai thác là 377.520 m^3đất địa chất. Công suất, thời gian khai thác cụ thể như sau:

+ Năm thứ nhất: 68.000 m^3 đất địa chất/năm.

+ Năm thứ 2, thứ 3, thứ 4: 85.000 m^3 đất địa chất/năm.

+ Năm thứ 5: 54.520 m^3 đất địa chất/năm.

1.3. Trình tự và phương pháp khai thác: mở vỉa tại cao độ cos +85m phía Nam khu mỏ, khai thác theo lớp bằng từ trên xuống dưới, chiều cao khai thác trung bình 6,92m - 7,38m, thực hiện san gạt, trồng cây cải tạo phục hồi môi trường theo trình tự cuốn chiếu hàng năm. Kết thúc khai thác, địa hình mỏ thoải dần từ độ cao +93m đến +38,5m theo hướng từ Tây Nam sang Đông Bắc (cao hơn cos địa hình hiện trạng mặt bằng phía hạ lưu, đảm bảo thoát nước). Sử dụng máy đào (dung tích gầu 1,25 m^3) để khai thác và xe 15 tấn để vận chuyển đất đến công trình (xe vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mỏ khai thác theo chỉ đạo

của UBND tỉnh tại Văn bản số 3296/UBND-KT ngày 22/5/2020).

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án:

- Công trình bảo vệ môi trường: 02 hố giảm tốc (phía Bắc và Đông Bắc dự án); hệ thống mương thu gom, thoát nước mưa xung quanh mỏ (trừ mương thoát nước phía Nam ở đỉnh dự án, vì lưu vực này còn tiếp nhận nước mưa từ trên cao xuống) dài khoảng 720 m và hai bên tuyến đường trong mỏ dài khoảng 1.020 m.

- Tuyến đường tạm trong mỏ (đường đất) dài khoảng 510,24 m.

- Mương rửa bánh xe chở đất ra khỏi mỏ, kích thước: dài 5,0 m x rộng 4,0 m x sâu 0,5 m.

- Khu vực phụ trợ phía Đông Bắc (nằm trong khu vực mỏ), diện tích khoảng 1.500 m^2 để bố trí lán trại tạm, nhà vệ sinh di động, bãi tập kết xe.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng với diện tích 6,32 ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Quá trình khai thác đất: nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn đất, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ các thiết bị khai thác từ hoạt động khai thác và vận chuyển; gây nguy cơ sạt lở đất trong mùa mưa lũ, sa bồi các dòng chảy và hạ lưu.

- Hoạt động vận chuyển đất làm phát sinh bụi, gây nguy cơ hư hỏng các tuyến đường và mất an toàn giao thông.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Dự án

3.1. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1,44 m^3/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 11.552 m^3/ngày (tính đối với ngày có lượng mưa phát sinh cao nhất với diện tích lưu vực tiếp nhận nước mưa chảy tràn 8,35 ha).

3.2. Bụi, khí thải:phát sinh từ quá trình khai tháccđất đá, chế biến đá thủ công và vận chuyển đất, đá đến các công trình.

3.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,…) phát sinh khoảng 4,8 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Chất thải nguy hại: bóng đèn huỳnh quang thải (Mã chất thải: 16 01 06) khoảng 02 kg/năm.

- Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 10 kg/năm.

3.4. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi san lấp.

3.5. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: hoạt động khai thác đất gây nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ, ảnh hưởng đến hạ lưu khu vực dự án, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển, mất an toàn giao thông,…

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

4.1.1. Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động đặt tại khu vực phụ trợ; định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

4.1.2. Xử lý nước mưa chảy tràn

Hệ thống mương thu nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ chiều dài khoảng 720 m (kích thước: rộng 2,0 m x sâu 1,0 m); mương thu gom nước mưa chảy tràn dọc tuyến đường trong mỏ có chiều dài 1.020 m (kích thước: rộng 1,0 m x sâu 0,5 m) và mương dẫn nước sau xử lý từ hố giảm tốc ra nguồn tiếp nhận (kích thước: dài 40 m x rộng 2,0 m x sâu 1,0 m). Các mương có kết cấu là mương đất hở, được gia cố đảm bảo.

- Hố giảm tốc số 1 phía Đông Bắc mỏ (tọa độ 1.543.307;562.387), thể tích khoảng 609 m^3 (diện tích 203 m^2, sâu 3 m), hố giảm tốc số 2 phía Bắc mỏ (tọa độ 1.543.419;562.241), thể tích khoảng 1.140 m^3 (diện tích 380 m^2, sâu 3 m) được gia cố đảm bảo.

- Quy trình thu gom, xử lý:

+ Nước mưa chảy tràn phía Tây Nam và Đông Bắc mỏ → mương thu gom phía Đông và Đông Bắc dài khoảng 300 m → hố giảm tốc số 1 (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → mương thoát nước ngoài mỏ dài khoảng 20 m → mương thoát nước hiện trạng phía Đông Bắc mỏ.

+ Nước mưa chảy tràn phía Bắc mỏ → mương thu gom phía Bắc và Tây Bắc dài khoảng 420 m → hố giảm tốc số 2 (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → mương thu gom phía Bắc dài khoảng 20 m → mương thoát nước hiện trạng phía Bắc mỏ → Cầu Lò Gốm.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển từ mỏ đến Quốc lộ 19 (đặc biệt lưu ý đoạn qua khu dân cư) và tăng cường vào mùa nắng.

- Vệ sinh tuyến đường vận chuyển từ mỏ đến Quốc lộ 19.

- Phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, không để rơi vãi đất.

4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại nhà bảo vệ để thu gom và xử lý theo quy định.

4.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa tại lán trại tạm, hợp đồng xử lý theo quy định.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Trường hợp khu vực có phát sinh đá thải, bố trí khu vực lưu chứa đảm bảo môi trường và thực hiện quản lý theo quy định của Luật Khoáng sản.

4.5.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường (san gạt, trồng cây) theo trình tự cuốn chiếu hàng năm, cụ thể diện tích phục hồi môi trường từng năm như sau: Năm 1: 0,93 ha; năm 2: 1,29 ha; năm 3: 1,35 ha; năm 4: 1,38 ha; năm 5: 2,21 ha. Các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường cụ thể như sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
1.	Cắm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	cái	5	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác.	Trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc Dự án.
2.	San gạt mặt bằng mỏ	m^3	17.200,3	Tạo bề mặt bằng phẳng, thoải về phía Bắc, Đông Bắc, không tạo hố sâu cục bộ, thuận lợi cho quá trình thoát nước và trồng cây.	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác hàng năm.
3.	San lấp hố giảm tốc và mương dẫn nước	m^3	3.472	Trả lại hiện trạng ban đầu	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác.
4.	Tháo dỡ lán trại tạm và nhà vệ sinh di động	m^2	15		
5.	Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực mỏ	ha	7,16	Phủ xanh khu vực khai thác	Thực hiện sau khi kết thúc san gạt hàng năm.

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
6.	Đo vẽ địa hình khu mỏ	ha	7,16	Giám sát độ sâu khai thác	Sau khi kết thúc san gạt mặt bằng.
II	**Khu vực ngoài mỏ**				
7.	Cải tạo tuyến đường đất hiện trạng	m^3	180	Đảm bảo kết cấu tuyến đường phục vụ cho hoạt động vận chuyển.	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày trước khi dự án đi vào khai thác và sau khi kết thúc Dự án.
8.	San lấp mương thoát nước	m^3	88	Trả lại hiện trạng ban đầu	Triển khai và hoàn thành sau 03 năm kể từ thời điểm bắt đầu trồng cây cải tạo phục hồi môi trường.

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **1.088.168.000 đồng** *(Một tỷ không trăm tám mươi tám triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng).*

- Số lần ký quỹ: 05 lần; thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 272.040.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Các lần còn lại, số tiền: 204.032.000 đồng; thời điểm ký quỹ: thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2023.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện khai thác đến đâu bốc lớp đất tầng phủ đến đó; tạo bờ dừng xung quanh khu vực mỏ (trừ phía Bắc và Đông Bắc ở hạ lưu dự án, vì cos địa hình sau khi kết thúc khai thác bằng ở hạ lưu phía ngoài khu vực dự án) nhằm giảm thiểu sạt lở phía hạ lưu trong quá trình khai thác.

- Thường xuyên nạo vét hố giảm tốc và mương thoát nước mưa đảm bảo giảm nguy cơ sa bồi, gây ảnh hưởng đến khu vực đất trồng nông nghiệp phía hạ lưu dự án.

- Bố trí khu vực điều tiết lưu lượng xe ra vào mỏ, không tập trung xe trên đường đất hiện trạng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giám sát môi trường xung quanh:

- Thông số giám sát: bụi lơ lửng (TSP).

- Vị trí: 02 điểm trên tuyến đường dân sinh từ mỏ ra Quốc lộ 19, cụ thể: vị trí 1 (tọa độ 1.543.507; 562.416) và vị trí 2 (tọa độ 1.543.559; 562.515).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

5.2. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và chuyển giao cho đơn vị xử lý.

5.3. Giám sát sa bồi, thủy phá diện tích đất nông nghiệp phía hạ lưu.

5.4. Các giám sát khác:

- Giám sát sạt lở, an toàn giao thông trong quá trình khai thác, vận chuyển đất.

- Tần suất quan trắc: thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian khai thác.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: không.